

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 741/TTr-STNMT ngày 23/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Daeyang HaNoi, địa chỉ trụ sở chính tại Cụm công nghiệp Đồng Đình, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Daeyang - Bắc Giang” tại Cụm công nghiệp Đồng Đình, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

- Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Daeyang - Bắc Giang.
- Chủ cơ sở: Công ty TNHH Daeyang HaNoi.
- Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Đồng Đình, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 2400390453 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 17/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30/3/2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2103631907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 17/12/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 08 ngày 11/9/2019.

1.5. Mã số thuế: 2400 390 453.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất linh kiện điện tử, điện thoại di động.
- Cho thuê nhà xưởng.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

* Phạm vi: Cơ sở được thực hiện tại Cụm công nghiệp Đồng Đình, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích đất sử dụng: 28.435m².

* Quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn.

- Sản xuất linh kiện điện tử, điện thoại di động: 50.000.000 sản phẩm/năm.

- Cho thuê nhà xưởng với tổng diện tích: 7.025 m² (Xưởng sản xuất 3: 3.072 m²; Nhà kho: 980 m², Nhà ăn: 700 m², Nhà để xe 1: 2.214 m², trạm điện: 59 m²).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Daeyang HaNoi được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Daeyang HaNoi có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Daeyang HaNoi có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tân Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tân Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 7 (bảy) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Daeyang - Bắc Giang” tại cụm công nghiệp Đồng Đình, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Daeyang HaNoi làm Chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp UBND huyện Tân Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Daeyang - Bắc Giang” tại Cụm công nghiệp Đồng Đình, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Daeyang HaNoi được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1013/QĐ-TNMT ngày 11/10/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Daeyang HaNoi được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương; UBND huyện Tân Yên, UBND thị trấn Cao Thượng; Công ty TNHH Daeyang HaNoi và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Daeyang HaNoi (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

I. Giai đoạn cụm công nghiệp Đồng Đình chưa hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung (nước thải của cơ sở chưa được đưa về Trạm xử lý nước thải của CCN Đồng Đình, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang):

1. Nguồn phát sinh nước thải: 04 nguồn

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của cơ sở và đơn vị thuê nhà xưởng.
- Nguồn số 02: Nước phát sinh từ quá trình vệ sinh sản phẩm.
- Nguồn số 03: Nước dư thừa từ hệ thống lọc nước DI.
- Nguồn số 04: Nước thải dính dầu phát sinh từ quá trình vận hành máy nén khí được thu gom, xử lý cùng với chất thải nguy hại, không xả thải ra môi trường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: có 01 dòng nước thải chung từ hố ga thu gom nằm cạnh trạm xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở xả ra hệ thống thu gom, thoát nước thải chung của CCN Đồng Đình, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, bao gồm các nguồn sau:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của cơ sở và đơn vị thuê nhà xưởng sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120m³/ngày đêm.
- Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh sản phẩm, chủ cơ sở không sử dụng hóa chất cho nên chỉ phát sinh lượng ít cặn bẩn được lắng cặn trước khi thải ra ngoài.
- Nước dư thừa từ hệ thống lọc nước DI.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom, thoát nước thải chung của cụm công nghiệp Đồng Đình sau đó chảy vào mương tiêu thoát nước của khu vực.

2.2. Vị trí xả nước thải: 01 vị trí tại hệ thống thu gom, thoát nước thải chung của CCN Đồng Đình, nằm ngoài hàng rào của cơ sở (ở phía Đông Bắc của cơ sở).

- Toạ độ vị trí xả nước thải: X = 2365372; Y= 409615 (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 328 m³/ngày đêm, tương đương 13,7 m³/giờ (tính theo chế độ xả thải 24 giờ/ngày), gồm: Nước thải sinh hoạt sau xử lý qua trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120m³/ngày đêm có lưu lượng xả nước thải lớn nhất 120 m³/ngày đêm, tương đương 5 m³/giờ và nước từ quá trình vệ sinh sản phẩm, nước dư thừa từ hệ thống lọc nước DI có lưu lượng xả nước thải lớn nhất 208 m³/ngày đêm, tương đương 8,7 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải từ hố ga thu gom nằm cạnh trạm xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở (bao gồm các nguồn nước thải như: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120m³/ngày đêm, nước từ quá trình vệ sinh sản phẩm và nước dư thừa từ hệ thống lọc nước DI) được tự chảy qua đường ống PVC D200 có chiều dài 8m chảy ra rãnh thu gom, thoát nước thải của CCN Đồng Đình

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thu gom, thoát nước thải chung của CCN Đồng Đình phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 4:2008/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	3 tháng/lần
2	pH	-	5 - 9	
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
5	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1000	
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
11	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
12	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5000	

II. Giai đoạn cụm công nghiệp Đồng Đình hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung:

Cơ sở không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (khi đã đấu nối nước thải

phát sinh vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Đồng Đình, không xả thải trực tiếp ra môi trường), do:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của cơ sở và đơn vị thuê nhà xưởng sau khi xử lý qua trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120m³/ngày đêm, nước từ quá trình vệ sinh sản phẩm sau khi lắng cặn và nước dư thừa từ hệ thống lọc nước DI đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Đồng Đình do Công ty Cổ phần xây dựng thương mại Đồng Tâm (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra môi trường (đã có biên bản thỏa thuận điểm đấu nối công trình nước thải ngày 06/11/2023 giữa chủ cơ sở và Công ty Cổ phần xây dựng thương mại Đồng Tâm), cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải dính dầu phát sinh từ quá trình vận hành máy nén khí được thu gom, xử lý cùng với chất thải nguy hại, không xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của cơ sở và đơn vị thuê nhà xưởng:

- Nước thải từ nhà vệ sinh của 3 xưởng sản xuất số 1,2,3 sau khi được xử lý sơ bộ qua 9 bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích 229,9m³ (trong đó 02 bể tự hoại cuối xưởng 1 với thể tích 25,8m³/bể; 01 bể tự hoại tại văn phòng 1 của xưởng sản xuất 1 thể tích 13,6m³; 02 bể tự hoại cuối xưởng 2 với thể tích 25,8m³/bể; 01 bể tự hoại tại văn phòng 2 của xưởng sản xuất 2 thể tích 13,6m³; 02 bể tự hoại cuối xưởng 3 với thể tích 27m³/bể; 01 bể tự hoại tại văn phòng 3 của xưởng sản xuất 3 thể tích 14,2m³); 01 bể chứa chảy tràn bể tự hoại khu xưởng 3 và nước thải từ nhà vệ sinh của 02 khu nhà nghỉ giữa ca 01, 02 được dẫn về trạm xử lý nước thải của cơ sở, trong đó:

+ Đối với nước thải từ nhà vệ sinh của 02 khu nhà nghỉ giữa ca 01, 02 và nhà vệ sinh khu xưởng sản xuất 1 được dẫn theo đường ống PVC D110 với tổng chiều dài 165m về trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120m³/ngày đêm.

+ Đối với nước thải từ nhà vệ sinh khu xưởng sản xuất 2 được dẫn theo đường ống PVC D160 với chiều dài 105m về trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120m³/ngày đêm.

+ Đối với nước thải nhà vệ sinh khu xưởng sản xuất 03 (nhà xưởng cho thuê) được thu gom bằng đường ống PVC D110 với tổng chiều dài 108m, sau đó

dẫn theo đường ống PVC D160 có chiều dài 26m về bể gom nước thải cạnh khu nhà nén khí 02. Tại đây sử dụng bơm tăng áp, bơm nước thải về trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120m³/ngày đêm qua đường ống PVC D160 có chiều dài 135m.

- Nước thải nhà ăn của cơ sở và đơn vị thuê nhà xưởng được xử lý qua 01 bể tách mỡ thể tích 5m³ được dẫn theo đường ống PVC D200 có chiều dài 82m về trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120m³/ngày đêm.

- Nước rửa chân tay, rửa sàn phát sinh từ hoạt động của cơ sở và đơn vị thuê nhà xưởng sau khi được tách rác bằng hoa thị tiếp tục được thu gom vào bể tự hoại tại cuối mỗi xưởng để xử lý cùng với nước thải từ nhà vệ sinh trước khi dẫn về trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120m³/ngày đêm.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải công suất 120m³/ngày đêm sẽ chảy ra hố ga chung có thể tích 0,245m³ được xây dựng cạnh trạm xử lý nước thải, sau đó đấu nối với hệ thống thu gom, thoát nước thải chung của CCN Đồng Đình.

* Nước dư thừa từ hệ thống lọc nước DI và nước phát sinh từ quá trình vệ sinh sản phẩm:

- Tại xưởng 1: Nước từ quá trình vệ sinh sản phẩm tại xưởng 01 sẽ được dẫn bằng đường ống PVC D110 có chiều dài 38m về téc chứa nước thể tích 1m³ đặt cạnh hệ thống lọc nước DI01 để thu gom chung cùng lượng nước dư thừa từ hệ thống lọc nước DI01, sau đó sẽ được dẫn về hố ga chung có thể tích 0,245m³ được xây dựng cạnh trạm xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm của cơ sở bằng đường ống PVC D110 với chiều dài 19m.

- Tại xưởng 02: Nước từ quá trình vệ sinh sản phẩm tại xưởng 02 sẽ được dẫn bằng đường ống PVC D110 có chiều dài 6m về chứa tại téc chứa nước thể tích 1m³ đặt cạnh hệ thống lọc nước DI03 để thu gom chung cùng lượng nước dư thừa từ hệ thống lọc nước DI02 và DI03, sau đó sẽ được dẫn về hố ga chung có thể tích 0,245m³ được xây dựng cạnh trạm xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm của cơ sở bằng đường ống PVC D110 với tổng chiều dài 151m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120 m³/ngày đêm:

Nước thải sinh hoạt (nước thải nhà bếp sau khi xử lý qua bể tách mỡ + nước thải từ nhà vệ sinh và nước rửa chân tay, rửa sàn sau khi xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn) → Hố ga → Bể gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể khử trùng → Hố ga thu gom cạnh trạm xử lý nước thải → Nguồn tiếp nhận.

+ Giai đoạn cụm công nghiệp Đồng Đình chưa hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung: Nước thải phát sinh tại cơ sở (bao gồm nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của cơ sở

và đơn vị thuê nhà xưởng sau khi xử lý qua trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120m³/ngày đêm; nước từ quá trình vệ sinh sản phẩm và nước dư thừa từ hệ thống lọc nước DI) sau khi được xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT xả ra hệ thống thu gom, thoát nước thải chung của CCN Đồng Đình, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

+ Giai đoạn Cụm công nghiệp Đồng Đình hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung: Nước thải phát sinh tại cơ sở (bao gồm nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của cơ sở và đơn vị thuê nhà xưởng sau khi xử lý qua trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120m³/ngày đêm; nước từ quá trình vệ sinh sản phẩm và nước dư thừa từ hệ thống lọc nước DI) sau khi được xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT sẽ được đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Đồng Đình, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Công suất thiết kế trạm xử lý nước thải sinh hoạt: 120m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho trạm xử lý nước thải:

+ Javen 12%: 500 kg/năm.

+ Đường Dextrose monohydrate: 200 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố trạm xử lý nước thải:

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất và hướng dẫn vận hành của đơn vị thiết kế. Định kỳ 01 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng trạm xử lý nước thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời. Qua đó đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Trong quá trình vận hành xử lý nước thải cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình vận hành và yêu cầu giám sát.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Định kỳ nạo vét bùn tại ngăn lắng để tăng khả năng xử lý của bể.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Tạm dừng hoạt động sản xuất để hạn chế phát sinh nước thải.

- Kiểm tra toàn bộ hệ thống bao gồm: đường ống, trạm xử lý để phát hiện sự cố.

+ Sự cố nhỏ: Xử lý nhanh gọn ngay trong ngày để đưa trạm xử lý đi vào

hoạt động.

+ Sự cố lớn: Nứt, vỡ đường ống:

++ Tạm dừng hoạt động sản xuất để hạn chế phát sinh nước thải.

++ Thuê đơn vị có chức năng đến hút toàn bộ lượng bùn, nước chứa trong trạm xử lý nước thải để kiểm tra tổng thể.

++ Kiểm tra thay thế đoạn ống dẫn nước thải bị nứt, vỡ.

++ Xử lý thành bể ngay trong ngày nếu phát hiện thành bể có dấu hiệu vỡ, nứt.

- Đưa trạm xử lý nước thải đi vào sử dụng khi khắc phục sự cố xong nhằm đảm bảo việc sản xuất của nhà máy.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở “Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Daeyang - Bắc Giang” của Công ty TNHH Daeyang HaNoi đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại Giấy phép số 695/GP-TNMT ngày 27/11/2020, căn cứ theo khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ban hành ngày 10/01/2022 của Chính phủ: Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải sau khi được cấp giấy phép môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm yêu cầu sau đây và không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường:

- Giai đoạn cụm công nghiệp Đồng Đình chưa hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung: Nước thải phát sinh tại cơ sở (bao gồm nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của cơ sở và đơn vị thuê nhà xưởng sau khi xử lý qua trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120m³/ngày đêm; nước từ quá trình vệ sinh sản phẩm sau khi lắng cặn và nước dư thừa từ hệ thống lọc nước DI) sau khi được xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT xả ra hệ thống thu gom, thoát nước thải chung của CCN Đồng Đình, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Giai đoạn cụm công nghiệp Đồng Đình hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung: Nước thải phát sinh tại cơ sở (bao gồm nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của cơ sở và đơn vị thuê nhà xưởng sau khi xử lý qua trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 120m³/ngày đêm; nước từ quá trình vệ sinh sản phẩm sau khi lắng cặn và nước dư thừa từ hệ thống lọc nước DI) sau khi được xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT sẽ được đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của cụm công nghiệp Đồng Đình, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép

môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành trạm xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tân Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực đặt máy nén khí 01 phía Đông Bắc của cơ sở.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực đặt máy nén khí 02 phía Đông Nam của cơ sở.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰):

- Nguồn số 01: Tọa độ X=2365360; Y=409613.

- Nguồn số 02: Tọa độ X=2365235; Y=409619.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Máy móc được bảo trì bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo chất lượng khi vận hành, giảm tiếng ồn và giảm rung. Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng sẽ được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

Ngoài ra, chủ cơ sở cũng đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu như:

- Bố trí các loại máy móc có tiếng ồn cao trong các khu vực khép kín, phòng riêng. Lắp đặt các tấm đệm chống rung tại các thiết bị có cường độ hoạt động nhiều.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các xưởng sản xuất.

- Trang bị nút tai cho công nhân khi làm việc trong môi trường có tiếng ồn lớn.

- Bố trí thời gian làm việc cho các cán bộ, công nhân viên hợp lý để tránh tình trạng bị tác động của tiếng ồn, độ rung kéo dài.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc phát sinh tiếng ồn, độ rung,...

- Trồng dải cây xanh, vừa tăng cường cảnh quan vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh, đồng thời, giúp cải thiện môi trường không khí thêm trong lành.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Khối lượng (Kg/6 tháng)
1	Giẻ lau, găng tay, bao ngón dính thành phần nguy hại	1.200
2	Các loại vật liệu mài mòn thải	4
3	Dầu thủy lực thải	564
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	200
5	Bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	91
6	Cồn thải	782
7	Nước thải dính dầu phát sinh từ quá trình vận hành máy nén khí	1.664
Tổng		4.505

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Bìa	355
2	Nhựa	855
3	Khay	355
4	Sắt	91
5	Ống nhựa	82
6	Hộp mực in thải	0,9
Tổng		1.738,9

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của nhà máy khoảng 1.272 kg/ngày. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là các chất hữu cơ, bao bì, giấy các loại, túi nilon, nhựa... và các loại phế thải phục vụ văn phòng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 9 thùng nhựa có nắp đậy (trong đó 05 thùng dung tích 100 lít/thùng và 04 thùng dung tích 140 lít/thùng) bên ngoài từng thùng ghi rõ từng mã chất thải tương ứng với chất thải dạng thể rắn phát sinh của cơ sở.

- Bố trí 06 thùng phi dung tích 200lít/thùng bên ngoài từng thùng ghi rõ từng mã chất thải tương ứng với chất thải dạng thể lỏng phát sinh của cơ sở.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại (CTNH) theo quy định (Tần suất 06 tháng/lần); riêng đối với nước thải có thành phần nguy hại (dính dầu) tần suất 01 tháng/lần hoặc thay đổi tùy vào tình hình hoạt động thực tế của cơ sở.

2.1.2. Kho/khu vực lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 12,36m² (kích thước kho D x B = 5,15m x 2,4m). Kho chứa CTNH nằm ở phía Đông của cơ sở trong khu chứa chất thải, cạnh kho phế liệu.

- Thiết kế, cấu tạo của kho:

+ Tường chịu lực xây gạch không nung, vữa xi măng mác 50#, dày 220mm. Trát tường dày 1,5cm, vữa xi măng, mác 50#, lăn sơn 01 nước trắng, 02 nước màu không bả, mái dốc lợp tôn, mái tôn sóng dày 0,42mm, xà gồ thép. Bố trí cửa khóa, bên ngoài có gắn biển tên, biển cảnh báo nguy hại, nền kho bằng bê tông được đánh bóng thủ công.

+ Mặt sàn trong khu vực lưu giữ kín, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 27 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, trong đó: 20 thùng dung tích 15 lít/thùng; 04 thùng dung tích 100 lít/thùng; 03 thùng dung tích 120 lít/thùng.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định (tần suất 02 tháng/lần hoặc thay đổi tùy vào tình hình hoạt động thực tế của cơ sở).

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (kho phế liệu): 15,45m² (kích thước kho D x B = 5,15m x 3m). Kho nằm ở trong khu chứa chất thải phía Đông của cơ sở cạnh kho CTNH và kho chất thải rắn sinh hoạt.

- Thiết kế, cấu tạo của kho:

+ Tường chịu lực xây gạch không nung, vữa xi măng mác 50#, dày 220mm. Trát tường dày 1,5cm, vữa xi măng, mác 50#, lăn sơn 01 nước trắng, 02 nước màu không bả, mái dốc lợp tôn, mái tôn sóng dày 0,42mm, xà gồ thép. Bố trí cửa khóa, bên ngoài có gắn biển tên, nền kho bằng bê tông được đánh bóng thủ công.

+ Mặt sàn trong khu vực lưu giữ kín, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 21 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, trong đó: 10 thùng dung tích 15 lít/thùng; 08 thùng dung tích 100 lít/thùng; 03 thùng dung tích 120 lít/thùng.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định (tần suất 01 lần/ngày hoặc thay đổi tùy vào tình hình hoạt động thực tế của cơ sở).

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: 13,905m² (kích thước kho D x B = 5,15m x 2,7m). Kho nằm ở trong khu chứa chất thải phía Đông của cơ sở cạnh kho phế liệu.

- Thiết kế, cấu tạo của kho:

+ Tường chịu lực xây gạch không nung, vữa xi măng mác 50#, dày 220mm. Trát tường dày 1,5cm, vữa xi măng, mác 50#, lăn sơn 01 nước trắng, 02 nước màu không bả, mái dốc lợp tôn, mái tôn sóng dày 0,42mm, xà gồ thép. Bố trí cửa khóa, bên ngoài có gắn biển tên, nền kho bằng bê tông được đánh bóng thủ công.

+ Mặt sàn trong khu vực lưu giữ kín, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng trạm xử lý nước thải.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với trạm xử lý nước thải.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời; chỉ được tiếp tục hoạt động cơ sở khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Công ty TNHH Daeyang HaNoi có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT và tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nối của cụm công nghiệp trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của CCN Đồng Đình, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 741/TTr-TNMT ngày 23/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.